

Số: *15* /KH-HĐND

Hà Giang, ngày 19 tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tổ chức tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ Hai Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Thường trực HĐND tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức tiếp xúc cử tri với các nội dung, như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

- Các đại biểu HĐND tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ của người đại biểu theo quy định của pháp luật.

- Các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh kịp thời nắm bắt tình hình, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để phản ánh đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời.

- Tạo điều kiện cho cử tri được tiếp xúc, nắm bắt về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2021 và hoạt động của HĐND tỉnh, của đại biểu HĐND tỉnh; phản ánh tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị với đại biểu HĐND tỉnh.

2. Nội dung tiếp xúc cử tri

- Báo cáo với cử tri kết quả kỳ họp thứ Hai HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 – 2026 (có Đề cương tóm tắt kết quả kỳ họp kèm theo).

- Tiếp thu, giải trình các ý kiến, kiến nghị của cử tri; đồng thời tổng hợp báo cáo Thường trực HĐND tỉnh để chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3. Thời gian, địa điểm

- *Thời gian tiếp xúc cử tri:* Từ ngày 20/7/2021 đến ngày 20/8/2021.

- *Địa điểm tiếp xúc cử tri:* do các Tổ đại biểu thống nhất với Thường trực HĐND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN các huyện, thành phố tại đơn vị bầu cử để bố trí, lựa chọn.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Đề nghị Ủy ban MTTQVN tỉnh chỉ đạo Ủy ban MTTQVN các huyện, thành phố phối hợp và chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri tại các địa điểm đã được lựa chọn; phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tiếp xúc cử tri.

4.2. Đề nghị Thường trực HĐND các huyện, thành phố chủ động trao đổi với Ban Thường trực UBMTTQVN để bố trí, lựa chọn các địa điểm cho các Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện tiếp xúc cử tri; có thể xem xét lồng ghép việc tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp tỉnh với đại biểu HĐND cấp mình vào cùng một thời gian và địa điểm; chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri của các Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

4.3. Đề nghị UBND các huyện, thành phố phân công Lãnh đạo UBND tham dự các buổi tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại địa phương mình và tiếp thu, giải đáp những ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền của UBND huyện, thành phố.

4.4. Đề nghị các Tổ đại biểu HĐND tỉnh:

- Chủ động liên hệ với Thường trực HĐND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN các huyện, thành phố để thống nhất thời gian, địa điểm, thành phần mời dự tiếp xúc cử tri ở đơn vị bầu cử để xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri cụ thể của Tổ đại biểu mình cho phù hợp.

- Sau khi kết thúc đợt tiếp xúc cử tri, khẩn trương tổng hợp ý kiến cử tri và gửi về Thường trực HĐND tỉnh, đồng thời gửi văn bản điện tử về địa chỉ email vpddbqhhdnd@hagiang.gov.vn trước ngày 25/8/2021.

4.5. Đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh: có trách nhiệm bố trí thời gian, công việc để tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri; chuẩn bị các nội dung cần báo cáo trước cử tri theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

4.6. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm tham mưu báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri trên địa bàn tỉnh; tham mưu Thường trực HĐND tỉnh văn bản chuyển ý kiến của cử tri đến các cơ quan có thẩm quyền để xem xét giải quyết, trả lời; bố trí phương tiện và các điều kiện phục vụ các Tổ đại biểu HĐND tỉnh khi thực hiện tiếp xúc cử tri tại các huyện, thành phố.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ Hai HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Thường trực HĐND tỉnh. Đề nghị các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố phối hợp tổ chức và tạo điều kiện để đại biểu HĐND tỉnh hoàn thành nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (thay BC);
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND, UBMTTQVN; Văn phòng HĐND - UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; các phòng thuộc VP;
- Lưu: VT.

H

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Vịnh

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tóm tắt kết quả Kỳ họp thứ Hai HĐND tỉnh khóa XVIII
(kèm theo Kế hoạch số: 15 /KH-HĐND ngày 19/7/2021
của Thường trực HĐND tỉnh)

Kỳ họp thứ Hai HĐND tỉnh khóa XVIII đã tổ chức trong 03 ngày (từ chiều ngày 13/7/2021 đến sáng ngày 16/7/2021). Tham dự kỳ họp có 56/57 đại biểu (vắng đại biểu Đào Hồng Hà, Tổ đại biểu Đồng Văn, có lý do). Kết quả chủ yếu của kỳ họp, cụ thể:

I. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH TẠI KỶ HỌP

Tại kỳ họp, đại biểu HĐND tỉnh đã nghiên cứu xem xét, cho ý kiến 22 báo cáo và 18 tờ trình của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh; các Ban HĐND tỉnh, TAND tỉnh, Viện KSND tỉnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh (11 báo cáo và 13 tờ trình kèm dự thảo nghị quyết trình trực tiếp tại kỳ họp; 11 báo cáo và 05 tờ trình kèm dự thảo nghị quyết do đại biểu tự nghiên cứu).

Ngày 14/7/2021, kỳ họp thực hiện phiên khai mạc và thông qua các Báo cáo, Tờ trình trình tại kỳ họp. Kỳ họp đã dành thời gian 01 ngày để các đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu và thảo luận tại tổ và thảo luận tại hội trường. Tại các buổi thảo luận, các đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu mời dự đã tập trung phân tích, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2021, làm rõ những kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế, kể cả những vấn đề cử tri quan tâm và các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2021.

Kỳ họp thứ Hai HĐND tỉnh khóa XVIII không thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn do trong 6 tháng đầu năm, các cấp, các ngành tập trung phòng chống dịch bệnh Covid 19 và công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Qua thảo luận, các vị đại biểu HĐND tỉnh thống nhất đánh giá: Trong 6 tháng đầu năm, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện dịch bệnh Covid 19 diễn biến rất phức tạp, giá nguyên vật liệu xây dựng có nhiều biến động, có thời điểm tăng cao, nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia chưa được Trung ương phân bổ... Tuy nhiên, dưới sự lãnh, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự vào cuộc quyết liệt, kịp thời của các cấp ủy, chính quyền các cấp, kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm của tỉnh đạt được kết quả quan trọng: trong 32 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội có 14 chỉ tiêu đánh giá thường kỳ, trong đó có 07/14 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP theo giá so sánh 2010) 6 tháng đầu năm đạt 6.286 tỷ đồng, tăng 3,81%; tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá thực tế đạt 11.698 tỷ đồng, tăng 5,62% so với cùng kỳ năm trước; tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện ước đạt 5.001 tỷ đồng, tăng 8,25% so với cùng kỳ năm trước;

đặc biệt là kiểm soát tốt công tác phòng chống dịch Covid-19, không có ca nhiễm trong cộng đồng, tỉnh đã tổ chức đón hơn 2000 công nhân từ vùng dịch Bắc Giang; tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp với tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu là 99,96%. Đề án cải tạo vườn tạp phát triển kinh tế vườn hộ được nhân dân đồng tình ủng hộ, đến nay đã có 571 hộ thực hiện cải tạo vườn tạp (*vuốt 215 hộ so với KH*); tiến hành rà soát, sắp xếp mạng lưới quy mô trường lớp đảm bảo khoa học, hiệu quả; thành lập trường PTDT Nội trú THCS và THPT tại các huyện Bắc Mê, Hoàng Su Phì, Đồng Văn, Xín Mần; phối hợp với Đại học Thái Nguyên trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương thành lập phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang; kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 được chuẩn bị tốt, quá trình tổ chức kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch tiếp tục được triển khai tích cực, đổi mới, sáng tạo, lượng khách du lịch đến với Hà Giang trong 6 tháng đầu năm ước đạt 642.773 lượt người; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và an sinh xã hội ngày được quan tâm, đặc biệt là nguồn lực xã hội hóa và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, chương trình hỗ trợ nhà ở cho CCB nghèo, gia đình chính sách, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở giai đoạn II đã có 1.444 hộ gia đình triển khai, hoàn thành 1.438 nhà; lũy kế toàn tỉnh đã có 4.780 hộ gia đình triển khai, hoàn thành xây dựng nhà ở. Công tác quốc phòng và đảm bảo an ninh biên giới, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững và ổn định. Lực lượng vũ trang thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng và điều kiện phục vụ sẵn sàng chiến đấu; công tác tổ chức tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu được giao.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, qua thảo luận, đại biểu HĐND tỉnh cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế cần khắc phục, đó là: nhiều chỉ tiêu kinh tế xã hội chưa đạt mục tiêu đề ra, tăng trưởng kinh tế chưa đạt như kỳ vọng; giải ngân vốn đầu tư công có nhiều cố gắng, đến 20/6 tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn đạt 32,3% so kế hoạch, đứng thứ 23 về xây dựng cơ bản so với cả nước, các dự án vốn ODA đạt thấp (*tính đến 20/6 mới đạt 2,1% kế hoạch*); tiến độ triển khai các dự án khởi công mới rất chậm (*4/48 dự án được khởi công*); tiến độ thu hút đầu tư từ ngoài ngân sách chưa đạt theo kế hoạch, thủ tục đầu tư còn nhiều vướng mắc, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm rất chậm; lĩnh vực đột phá của tỉnh về nông nghiệp, du lịch dịch vụ còn ít; dịch bệnh viêm da nổi cục trâu bò, dịch tả lợn Châu Phi chưa được khống chế dứt điểm. Tình trạng ngộ độc thực phẩm vẫn còn xảy ra ở một số nơi; tỷ lệ tham gia lao động thấp, tỷ lệ thiếu việc làm, thất nghiệp tăng. Trật tự an toàn xã hội và an ninh nông thôn ở một số địa phương có mặt còn diễn biến phức tạp; tình trạng tảo hôn, sinh con thứ 3 trở lên vẫn còn khá phổ biến...

Nhìn chung, với 63 ý kiến thảo luận của đại biểu (*52 ý kiến thảo luận tại Tổ, 11 ý kiến thảo luận tại Hội trường*) đã cơ bản bao quát tất cả các lĩnh vực. Các ý kiến thảo luận đã được UBND tỉnh; các sở, ngành tiếp thu, giải trình trực tiếp một số nội dung tại kỳ họp, nhất là giải pháp về thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2021, góp phần đề đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị những vấn đề quan trọng của địa phương thông qua tại kỳ họp.

II. KẾT QUẢ KỶ HỌP: Tại kỳ họp, HĐND tỉnh đã biểu quyết thông qua

18 nghị quyết chuyên đề, cụ thể:

1. Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2022 – 2025:

Nghị quyết cơ bản giữ nguyên các khoản thu như giai đoạn 2017-2021: trong tổng số 28 khoản thu, có 20/28 khoản thu giữ nguyên tỷ lệ phần trăm phân chia như giai đoạn 2017-2021, có 08 khoản thu điều chỉnh tỷ lệ phần trăm phân chia giai đoạn 2022 - 2025, gồm:

1.1. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước do tỉnh cấp phép ngân sách tỉnh hưởng 100% số thu.

1.2. Thu tiền sử dụng đất:

- Thu tiền sử dụng đất từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản nhà nước trên địa bàn (*thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh*): ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%; ngân sách cấp huyện hưởng 10%.

- Thu tiền sử dụng đất từ bán đấu giá quyền sử dụng đất và các khoản thu tiền sử dụng đất còn lại (*gồm: giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân có đất thuộc thành phố quản lý*); thu tiền sử dụng đất từ quyền bán đấu giá quyền sử dụng đất và các khoản thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn các huyện: ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

- Thu tiền sử dụng đất từ tổ chức kinh tế được giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê; tổ chức kinh tế được giao đất để thực hiện dự án đầu tư hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng; tiền sử dụng đất của tổ chức được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (*dự án đô thị*): ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%; ngân sách cấp huyện hưởng 10%.

1.3. Thuế thu nhập cá nhân từ cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý có địa bàn kinh doanh trên địa bàn xã, phường, thị trấn quản lý:

- Cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý có địa bàn kinh doanh trên địa bàn xã: ngân sách xã hưởng 100% số thu.

- Cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý có địa bàn kinh doanh trên địa bàn phường, thị trấn: ngân sách huyện, thành phố hưởng 50% số thu; ngân sách phường, thị trấn hưởng 50% số thu.

1.4. Thuế giá trị gia tăng (*từ Thuế GTGT từ hàng nhập khẩu và xổ số*).

- Từ tổ chức sản xuất kinh doanh khác (*Tổ chức do Cục Thuế quản lý: ngân sách tỉnh hưởng 100% số thu; tổ chức do Chi cục Thuế quản lý: ngân sách cấp huyện hưởng 100% số thu*).

- Từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường: *ngân sách thành phố hưởng 60% số thu; ngân sách phường hưởng 40% số thu*.

1.5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (*trừ Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu và hoạt động xổ số*).

- Tổ chức, cá nhân nộp thuế do Cục Thuế quản lý: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% số thu.



- Tổ chức nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý: ngân sách cấp huyện hưởng 100% số thu.

- Cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý: ngân sách cấp xã hưởng 100% số thu.

1.6. Thuế tài nguyên khoáng sản khác từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã phường, thị trấn: ngân sách cấp xã hưởng 100% số thu.

1.7. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân hộ kinh doanh: ngân sách cấp xã hưởng 100%.

1.8. Lệ phí trước bạ nhà, đất trên địa bàn xã, phường, thị trấn: ngân sách cấp xã hưởng 100% số thu.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2021.

2. Nghị quyết quy định mức trợ cấp ngày công lao động cho dân quân trên địa bàn tỉnh Hà Giang:

Nghị quyết quy định về mức trợ cấp ngày công lao động là 130.000 đồng/người/ngày đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân thường trực, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế khi có quyết định huy động, điều động làm nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân theo quyết định của cấp có thẩm quyền ngoài mức trợ cấp ngày công lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều này còn được trợ cấp thêm 80.000 đồng/người/ngày.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2021.

3. Nghị quyết quy định mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức đang làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Hà Giang:

Nghị quyết quy định mức trợ cấp đặc thù là: 2.500.000 đồng/người/tháng đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2021.

4. Nghị quyết quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang:

4.1. Dịch vụ tuyển sinh (*không áp dụng đối với trẻ em, học sinh thuộc vùng đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, con hộ nghèo, gia đình chính sách*).

- Xét tuyển vào các lớp đầu cấp (*Mầm non, Lớp 1, Lớp 6, Lớp 10*): mức thu tối thiểu 25.000 đồng/học sinh/đợt; mức thu tối đa 45.000 đồng/học sinh/đợt.

- Thi tuyển vào lớp 10 Trường THPT Chuyên: mức thu tối thiểu 650.000 đồng/kỳ thi/học sinh; mức thu tối đa 700.000 đồng/kỳ thi/học sinh.

- Thi tuyển vào lớp 10 các trường THPT, trường phổ thông dân tộc Nội trú: mức thu tối thiểu 150.000 đồng/kỳ thi/học sinh; mức thu tối đa 180.000 đồng/kỳ thi/học sinh.

4.2. Dịch vụ phục vụ (*đối với các học sinh không được hưởng chế độ chính sách do nhà nước cấp*):

- Tổ chức ăn bán trú: mức thu tối thiểu 12.000 đồng/ngày/học sinh; mức thu tối đa 25.000 đồng/ngày/học sinh.

- Thuê cấp dưỡng (không áp dụng đối với các trường thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020): mức thu tối thiểu 80.000 đồng/tháng/học sinh; mức thu tối đa 100.000 đồng/tháng/học sinh.

- Quản lý học sinh ăn, ở bán trú: mức thu tối thiểu 4.000 đồng/buổi/học sinh; mức thu tối đa 5.000 đồng/buổi/học sinh.

- Đồ dùng bán trú: mức thu tối thiểu 150.000 đồng/năm học; mức thu tối đa 200.000 đồng/năm học (Học sinh tuyển mới hoặc toàn trường nếu trang bị lần đầu).

- Mua bổ sung đồ dùng bán trú: mức thu tối thiểu 70.000 đồng/năm học; mức thu tối đa 100.000 đồng/năm học (Học sinh các lớp còn lại).

- Gửi trẻ mầm non ngoài giờ chính khóa, ngày thứ bảy, ngày chủ nhật hoặc trong thời gian nghỉ hè (cha mẹ trẻ em có nhu cầu): mức thu tối thiểu 4.000 đồng/giờ/trẻ; mức thu tối đa 5.000 đồng/giờ/trẻ.

- Nước uống cho học sinh: mức thu tối thiểu 3.000 đồng/tháng/học sinh; mức thu tối đa 7.000 đồng/tháng/học sinh (Thu 9 tháng/năm học).

- Vệ sinh trường học (bao gồm khuôn viên nhà trường, lớp học, nhà vệ sinh): mức thu tối thiểu 8.000 đồng/tháng/học sinh; mức thu tối đa 10.000 đồng/tháng/học sinh (Thu 9 tháng/năm học).

- Trông giữ xe (học sinh có nhu cầu và loại xe phù hợp với lứa tuổi theo quy định của pháp luật):

+ Xe đạp, xe đạp điện: mức thu tối thiểu 12.000 đồng/tháng/xe; mức thu tối đa 14.000 đồng/tháng/xe (Thu 9 tháng/năm học).

+ Xe máy điện, xe máy: mức thu tối thiểu 16.000 đồng/tháng/xe; mức thu tối đa 20.000 đồng/tháng/xe (Thu 9 tháng/năm học).

- Điện vận hành, bảo dưỡng các thiết bị trong lớp học ngoài quy định của nhà nước: Thu theo tình hình thực tế trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất với cha mẹ học sinh (có phê duyệt của cấp có thẩm quyền).

4.3. Dịch vụ hỗ trợ:

- Dạy tăng cường ngoại ngữ, dạy song ngữ cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 12; tổ chức dạy học cho trẻ làm quen với ngoại ngữ ở mầm non và học sinh lớp 1, lớp 2; dạy học tăng cường đối với các môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông; dạy học bồi dưỡng; dạy học ôn thi (theo hình thức tự nguyện trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất với cha mẹ học sinh): mức thu tối thiểu 7.000 đồng/tiết/học sinh; mức thu tối đa 8.000 đồng/tiết/học sinh (Mỗi buổi dạy không quá 3 tiết).

- Tổ chức các lớp năng khiếu, nghệ thuật cho trẻ mầm non (theo hình thức tự nguyện trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất với cha mẹ học sinh): mức thu tối thiểu 32.000 đồng/ngày/trẻ; mức thu tối đa 40.000 đồng/ngày/trẻ.

- Tham gia các hoạt động trải nghiệm: Thu theo tình hình thực tế trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất với cha mẹ học sinh.

- Học phẩm phục vụ kiểm tra, khảo sát chất lượng, tổ chức thi thử tốt nghiệp THPT (*không áp dụng đối với trẻ em, học sinh thuộc vùng đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, con hộ nghèo, gia đình chính sách*).

+ Lớp 1, lớp 2: mức thu tối thiểu 3.000 đồng/năm học; mức thu tối đa 4.000 đồng/năm học.

+ Lớp 3: mức thu tối thiểu 6.000 đồng/năm học; mức thu tối đa 8.000 đồng/năm học.

+ Lớp 4, lớp 5: mức thu tối thiểu 19.000 đồng/năm học; mức thu tối đa 24.000 đồng/năm học.

+ Cấp THCS, THPT: mức thu tối thiểu 76.000 đồng/năm học; mức thu tối đa 96.000 đồng/năm học.

+ Hệ GDTX: mức thu tối thiểu 64.000 đồng/năm học; mức thu tối đa 80.000 đồng/năm học.

+ Tổ chức thi thử tốt nghiệp THPT: mức thu tối thiểu 35.000 đồng/môn/lần thi/học sinh; mức thu tối đa 50.000 đồng/môn/lần thi/học sinh.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2021.

5. Nghị quyết Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội; đối tượng khó khăn chưa được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang:

5.1. Quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là 380.000 đồng/tháng. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là căn cứ xác định mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội và các mức trợ giúp xã hội khác.

5.2. Mức trợ giúp xã hội, như sau:

a) Mức trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, gồm:

- Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho mỗi đối tượng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Điều 1 Nghị quyết này nhân với hệ số 6,5.

- Tiền ăn thêm ngày lễ, ngày tết bằng 04 (bốn) lần tiền ăn ngày thường. Mỗi năm 11 ngày, số ngày được tính, như sau:

+ Đối với đối tượng là trẻ em, gồm: Tết Dương lịch 01/01: 01 ngày; Tết Âm lịch: 05 ngày; Ngày Chiến thắng 30/4: 01 ngày; Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6: 01 ngày; Ngày Quốc khánh: 02 ngày; Ngày tết Trung thu 15/8 âm lịch: 01 ngày.

+ Đối với đối tượng là người khuyết tật, gồm: Tết Dương lịch 01/01: 01 ngày; Tết Âm lịch: 05 ngày; Ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4: 01 ngày; Ngày Chiến thắng 30/4: 01 ngày; Ngày Quốc khánh: 02 ngày; Ngày Quốc tế người khuyết tật 3/12: 01 ngày.

+ Đối với đối tượng là người cao tuổi, gồm: Tết Dương lịch 01/01: 01 ngày; Tết Âm lịch: 05 ngày; Ngày Chiến thắng 30/4: 01 ngày; Ngày người cao tuổi Việt Nam 6/6: 01 ngày; Ngày Quốc khánh: 02 ngày; Ngày Quốc tế người cao tuổi 1/10: 01 ngày.

- Hỗ trợ chi phí mai táng khi chết bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp chi phí thực tế vượt mức quy định, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

b) Các chế độ, chính sách trợ giúp xã hội không quy định tại Nghị quyết này được áp dụng bằng mức hỗ trợ hoặc mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5.3. Đối tượng và mức trợ cấp, trợ giúp xã hội cho các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh:

a) Đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Hà Giang: Là đối tượng khó khăn chưa được hưởng chính sách trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, bao gồm:

- Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Mẹ cô cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;

+ Cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;

+ Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;

+ Cha hoặc mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Người thuộc diện quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

- Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng đang sống tại địa bàn không thuộc xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.

- Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đang sống tại địa bàn không thuộc xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.

b) Mức trợ cấp, trợ giúp xã hội: Được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng với mức bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Điều 1 Nghị quyết

này nhân với hệ số 1,0; các chính sách trợ giúp xã hội khác được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/7/2021.

6. Nghị quyết quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn, thi đấu của tỉnh Hà Giang:

Nghị quyết quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù cho Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh, Đội tuyển cấp huyện, Đội tuyển năng khiếu cấp huyện đang tập trung tập huấn, thi đấu tại các đội tuyển của tỉnh Hà Giang, cụ thể:

6.1. Mức chi và thời gian thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù trong thời gian tập trung tập huấn:

a) Mức chi:

- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 200.000 đồng/ người/ngày.
- Đội tuyển cấp huyện: 180.000 đồng/ người/ngày.
- Đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 160.000 đồng/ người/ngày.

b) Thời gian hưởng: Thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền, nhưng tối đa không quá 90 ngày đối với cấp tỉnh, không quá 60 ngày đối với cấp huyện.

6.2. Mức chi và thời gian thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù trong thời gian tập trung thi đấu:

a) Mức chi:

- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 240.000 đồng/ người/ngày.
- Đội tuyển cấp huyện: 220.000 đồng/ người/ngày.
- Đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 200.000 đồng/ người/ngày.

b) Thời gian hưởng: Theo điều lệ giải quy định.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2021.

7. Ngoài ra kỳ họp cũng xem xét thông qua 12 nghị quyết quan trọng khác, gồm:

7.1. Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân Hà Giang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

7.2. Nghị quyết ban hành Nội quy các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

7.3. Nghị quyết ban hành chương trình giám sát năm 2022 của HĐND tỉnh và sửa đổi nội dung giám sát chuyên đề quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 về ban hành chương trình giám sát năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Giang.

7.4. Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý.

7.5. Nghị quyết quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý.

7.6. Nghị quyết về dự kiến phương án kế hoạch công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025.

7.7. Nghị quyết thông qua nhiệm vụ đồ án quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng.

7.8. Nghị quyết thông qua nhiệm vụ đồ án quy hoạch chung xây dựng các khu chức năng.

7.9. Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

7.10. Nghị quyết quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp nhà Bảo tàng tỉnh Hà Giang.

7.11. Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển rừng công trình: Cụm công trình thủy lợi các huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang.

7.12. Nghị quyết thông qua Danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Lưu ý: Đề cương này có tính chất gợi mở, đề nghị các đại biểu nghiên cứu thêm các Báo cáo, Nghị quyết và căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế của từng đối tượng cử tri để lựa chọn những nội dung để báo cáo với cử tri./.